

CHUYÊN MỤC

VĂN HÓA - VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC

Kỷ niệm 200 năm ngày sinh nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU – NHỮNG ẢNH HƯỞNG VĂN HÓA TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI NAM BỘ

ĐẶNG VĂN TUẤN*

Nguyễn Đình Chiểu là thầy thuốc, nhà giáo, nhà thơ yêu nước có uy tín lớn ở Nam Bộ ở thời đại ông sống và có ảnh hưởng đến các thế hệ sau. Thơ văn của ông chuyển tải những giá trị đạo đức, luân lý truyền thống của người Việt Nam, kêu gọi tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm. Ông luôn có lập trường chống thực dân Pháp một cách dứt khoát, toàn diện. Nhiều nghiên cứu khẳng định Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn hóa có ảnh hưởng nhiều nhất ở miền Nam thời cận đại. Tháng 11/2021, UNESCO thông qua Nghị quyết vinh danh Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nhân loại. Ngày 01 tháng 7 năm 2022, vừa tròn kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông (1/7/1822 - 1/7/2022).

Từ khóa: Nguyễn Đình Chiểu, văn thơ, nhà văn hóa

Nhận bài ngày: 03/3/2022; *đưa vào biên tập:* 10/3/2022; *phản biện:* 04/7/2022; *duyet dang:* 11/7/2022

1. DẪN NHẬP

Từ giữa thế kỷ thứ XIX, một số nước phương Tây với những thành tựu khoa học kỹ thuật đã phát triển nền kinh tế công nghiệp tư bản chủ nghĩa và không ngừng mở rộng thị trường, xâm chiếm thuộc địa. Thời gian này, Việt Nam dưới thời nhà Nguyễn, đặc biệt là thời Tự Đức, thiên tai, mất mùa, dịch bệnh liên tục xảy ra, nhiều nơi nông dân nổi dậy chống triều đình,

trong đó có cả những phần tử dựa vào tôn giáo hoặc lợi dụng chính sách đàn áp tôn giáo của triều đình nổi lên, gây bất ổn xã hội. Bên ngoài, thực dân Pháp thăm dò, từng bước thực hiện âm mưu xâm lược Việt Nam và ngày càng lấn tới, đưa đất nước vào thế mất còn.

Ngày 1/9/1858, 3.000 liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh Đà Nẵng (Trần Văn Giàu, 2017: 80-81). Quân dân Việt Nam chống trả quyết liệt. Sau 5 tháng, kế hoạch đánh nhanh thắng

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre.

nhánh thất bại, chúng chuyển vào đánh Gia Định, vừa lúc lớn nhất Việt Nam chỉ để lại một số quân giữ địa bàn đã chiếm được. Đầu tháng 2/1859, 2.200 liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công Gia Định (Trần Văn Giàu, 2017: 88). Ngày 17/2/1859, Gia Định thành thất thủ, giặc được thế lấn tới, chiếm Gia Định (ngày 28/2/1861), Định Tường (ngày 14/4/1861), Biên Hòa (ngày 16/12/1861) và Vĩnh Long lần thứ nhất (ngày 23/3/1862) (Nguyễn Duy Oanh, 2017: 36, 41, 55, 58). Ngày 5/6/1862, triều đình Huế ký Hòa ước Nhâm Tuất, nhượng 3 tỉnh miền Đông và đảo Côn Lôn (Côn Đảo) cho Pháp, được chuộc lại Vĩnh Long nhưng phải cấm các phong trào kháng chiến của nhân dân.

Bất chấp lệnh cấm của triều đình, đa số sĩ phu, văn thân, nghĩa sĩ Nam Kỳ vẫn quy tụ xung quanh các thủ lĩnh nghĩa quân như Trương Định, Nguyễn Ngọc Thăng, Đốc binh Là... một lòng kháng chiến, quyết đánh đuổi quân xâm lược. Một bộ phận nhỏ sĩ phu còn lại không thể trực tiếp ra trận thì dùng ngòi bút chiến đấu trên mặt trận tư tưởng thông qua văn chương, trong đó nổi bật có Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Lạc... Ngòi bút của các sĩ phu lên án tính phi nghĩa của giặc ngoại xâm cùng bọn tay sai, qua đó ngăn chặn những sĩ phu có tư tưởng lừng chừng, đồng thời củng cố tư tưởng chống giặc đến cùng, hoặc ít nhất là bất hợp tác thông qua phong trào tị địa⁽¹⁾ độc đáo. Trong

số những chiến sĩ trên mặt trận văn chương ấy, người đứng đầu phải kể đến là tú tài Nguyễn Đình Chiểu. Dù mù lòa, nhưng cuộc đời và sự nghiệp của ông gắn liền với những biến chuyển của thời cuộc, là một sĩ phu yêu nước và bất khuất trước kẻ thù của dân tộc.

2. CUỘC ĐỜI NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ PHONG TRÀO KHÁNG PHÁP Ở NAM BỘ GIỮA THẾ KỶ XIX

Nguyễn Đình Chiểu, tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, sau khi mù mắt có thêm biệt hiệu Hối Trai, sinh ngày 01/7/1822 tại thôn Tân Khánh, tỉnh Gia Định. Thân sinh của Nguyễn Đình Chiểu từng làm tại Văn hàn ty của Tổng trấn Lê Văn Duyệt, bị cách sau khi Lê Văn Khôi nổi loạn (năm 1833).

Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu được song thân cho học chữ Hán với ông nghề Chiểu - học trò của Võ Trường Toản. Sau đó, ông được gửi ra Huế. Năm 1840, ông trở về Gia Định và thi đỗ Tú tài năm Quý Mão (1843). Năm 1846, ông ra kinh thành chờ khoa thi năm Kỷ Dậu (1849) nhưng đầu năm 1849, ông hay tin thân mẫu qua đời. Là người con hiếu thảo, lại được mẹ nuôi dạy chu đáo từ nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu bỏ thi theo lệ triều đình⁽²⁾, quay về chịu tang. Vì quá đau buồn, ông bị bệnh dẫn đến mù mắt.

Nhân lúc ở Quảng Nam, được thầy lang thuộc dòng dõi ngự y tận tình chữa trị và truyền dạy y thuật, Nguyễn Đình Chiểu vượt qua khó khăn, chăm chỉ học nghề bốc thuốc để cứu người:

*Thấy người đau giống mình đau
 Phương nào cứu đặng mau mau trị lành.
 Ăn mày cũng đũa trời sinh
 Bệnh còn cứu đặng thuốc dành cho
 không* (Nguyễn Đình Chiểu, 1982: 193).

Mẹ mất, đường công danh không thành, bản thân bị mù lòa, bị gia đình hứa hôn bội ước, nhưng cuộc sống Nguyễn Đình Chiểu không bế tắc - ông mở trường dạy học, hốt thuốc cứu người tại quê nhà. Học trò theo học rất đông, rất nhiều người được ông chữa khỏi bệnh. Lê Tăng Quýnh (người Thanh Ba, Cần Giuộc, Gia Định), một trong những học trò của ông rất cảm động và mến mộ, đã xin gia đình gả em gái cho thầy. Với tài năng của mình, mặc dù mù lòa, lại phải nhiều lần thay đổi chỗ ở, đời sống gia đình chỉ dựa chủ yếu vào ông, nhưng gia cảnh vẫn không bị rơi vào túng quẫn, và ông sống "trong sự tôn kính đầy đủ của các môn đệ và sự quý mến của đồng bào" (Bajot, 1886).

Khi thành Gia Định bị quân Pháp vây vào đầu năm 1859, không chịu sống trong vùng bị giặc chiếm đóng, ông cùng gia quyến lánh về quê vợ ở thôn Thanh Ba, huyện Phước Lộc, tỉnh Gia Định (nay thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Rồi thôn Tân Khánh, hải cốt của thân mẫu Trương Thị Thiệt (1800-1848) cũng được ông mang theo, cải táng ở Cần Giuộc⁽³⁾. Tại nơi đây, ông tham gia kháng chiến, thường bày mưu kế cho Đốc binh Là chống giặc.

Sau trận tập kích của quân Pháp ở Cần Giuộc (16/12/1861), Đỗ Trinh Thoại - bạn cùng khoa thi và 27 nghĩa quân hy sinh, theo lời yêu cầu của Tuần phủ Đỗ Quang, Nguyễn Đình Chiểu làm bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, là một trong những áng "thiên cổ hùng văn" được truyền đi khắp nước, ảnh hưởng tích cực đến nghĩa sĩ cả nước, thúc giục các hương nghĩa binh đứng lên khởi nghĩa.

Sau Hòa ước Nhâm Tuất, đồng chủ xướng và tham gia phong trào tị địa với các sĩ phu, Nguyễn Đình Chiểu về thôn An Bình Đông, tổng Bảo An, huyện Bảo An, phủ Hoằng Trị (nay thuộc thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Dù bị mù, nhưng ông luôn giữ mối liên hệ mật thiết với các thủ lĩnh nghĩa quân kháng Pháp như Đốc binh Là, Trương Định, Phan Liêm, Phan Tôn, Phan Ngọc Tông⁽⁴⁾... Ông theo dõi từng trận đánh của nghĩa quân. Những bài văn tế, thơ điếu là lòng tri ân, tiếc thương, đồng thời thúc giục anh hùng nghĩa sĩ tiếp bước đứng lên chống giặc. Đó là 12 bài thơ điếu liên hoàn và bài văn tế Trương Định, 10 bài thơ điếu Phan Ngọc Tông, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*⁽⁵⁾... Ngoài ra, các tác phẩm truyện thơ như *Ngư Tiểu y thuật vấn đáp*, *Dương Tử - Hà Mậu* của ông cũng ngợi sảng khí tiết của người quân tử hoặc đấu tranh chống văn hóa ngoại lai, bảo vệ tam giáo (Nho - Phật - Lão) - tinh hoa truyền thống văn hóa của dân tộc bấy giờ, thể hiện rất rõ tinh thần: "Dù điu mà giữ đạo nhà / Còn hơn có mắt ông

cha không thờ" (Nguyễn Đình Chiểu, 1982: 248).

Tháng 6/1867⁽⁶⁾, lục tỉnh Nam Kỳ bị thực Pháp chiếm, Nguyễn Đình Chiểu mù lòa không đi tị địa ở Bình Thuận được, ở lại bốc thuốc, dạy học, nêu gương bất hợp tác và sáng tác thơ văn chống Pháp.

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*
(Nguyễn Đình Chiểu, 1982: 36).

Nguyễn Đình Chiểu sống thanh bạch, gần bó với nhân dân và hết lòng cứu chữa người bệnh. Đỗ Phong Thuần (1956) nhận xét: "Cụ có cái đặc tính, phàm chữa lành bệnh, rồi ai đền ơn bao nhiêu cũng đặng, người bệnh nào nghèo cụ còn cho tiền uống thuốc".

Pháp biết ông có uy tín lớn trong nhân dân nên từ năm 1883⁽⁷⁾, Michel Ponchon - Chánh tham biện Bến Tre nhiều lần đến gặp, nhưng ông thường giả bệnh không tiếp, giả điếc không nghe. Có lần, hấn đến tận chỗ ông nằm để hỏi han và hứa sẽ trả phần đất ở làng Tân Khánh cho ông. Ông khăng khái nói: "Đất vua còn phải bỏ, thì đất của tôi có sá gì?" (Phan Văn Hùm, 1957: 34).

Về sau, được tin vua Hàm Nghi xuất bôn, ông rất phấn khởi nhưng rồi phong trào gặp nhiều khó khăn, ông rất buồn. Cùng nỗi buồn về cái chết của người vợ trước đó, trong cảnh nước mất nhà tan, ngày 3/7/1888 Nguyễn Đình Chiểu qua đời. Ông được an táng ở làng An Bình Đông (nay thuộc Ấp 3, xã An Đức, huyện Ba

Tri, tỉnh Bến Tre), bên cạnh mộ vợ - bà Lê Thị Điền.

Không những là người hiệu triệu sĩ dân toàn Nam Kỳ đứng lên chống Pháp, Nguyễn Đình Chiểu còn là người có ảnh hưởng lớn đến hoạt động chống Pháp và nhập thế tích cực của bạn bè, học trò và các thế hệ con cháu của ông. Em trai út của ông là Nguyễn Đình Huân theo Đốc binh Là chống Pháp và hy sinh tại Cần Giuộc (Long An) ngày 23 tháng 5 năm Quý Hợi (nhằm ngày 8/7/1863). Học trò ông là Lê Văn Nghiêm lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp ở Mỏ Cày năm 1872 nhưng thất bại. Con gái ông là Sương Nguyệt Anh từng bán một phần đất đai lấy tiền ủng hộ phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, năm 1918 làm chủ bút tờ *Nữ giới chung*. Ngoài ra, Nguyễn Đình Chiểu còn có hai học trò ưu tú hoạt động tích cực trong phong trào Phật giáo yêu nước là Hòa thượng Lê Khánh Hòa (1877-1947), người có công lớn trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ những năm 1920-1945; và Hòa thượng Thích Khánh Thông (1871-1953), cũng là người có uy tín lớn trong giới tăng, ni, Phật tử ở Bến Tre nửa đầu thế kỷ XX (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Tri, 2022).

Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương cao quý về tinh thần hiếu học, hiếu thảo, yêu nước, vượt qua nghịch cảnh, bất hạnh của cuộc đời vươn lên sống một cuộc sống bình thường nhưng đầy vinh quang của một thầy thuốc, nhà giáo và nhà thơ yêu nước, tài hoa.

Việc UNESCO thông qua nghị quyết vinh danh ông là danh nhân văn hóa quốc tế càng khẳng định tầm vóc, giá trị di sản văn hóa do ông để lại.

3. TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA - XÃ HỘI NAM BỘ

Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tác nhiều tác phẩm văn học đặc sắc. Các tác phẩm tiêu biểu của ông luôn hàm chứa tinh thần “văn dĩ tải đạo”, mà đạo ở đây là đạo làm người và đạo trừ gian, nó như một dòng chảy của tư tưởng yêu nước, thương dân xuyên suốt, nhất quán từ khi đất nước còn bình yên đến cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của nhân dân Nam Bộ và cả nước trước thực dân Pháp. Bên cạnh những bài văn tế, thơ điệu nổi tiếng nhằm khích lệ tinh thần chiến đấu của sĩ nhân dân Nam Kỳ và biểu dương những tấm gương anh hùng, liệt sĩ, Nguyễn Đình Chiểu có ba tác phẩm văn học lớn khác là *Lục Vân Tiên* (sáng tác khoảng năm 1851), *Dương Từ - Hà Mậu* (sáng tác khoảng năm 1854) và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (*Ngư Tiều vấn đáp nho y điển ca*, sáng tác khoảng năm 1867).

Truyện *Lục Vân Tiên* ngay từ khi ra đời đã có ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân Nam Bộ. Đến nay, truyện thơ này đã được in và tái bản hơn 30 lần với nhiều thứ tiếng như Pháp, Anh, Việt, Nhật, Hàn, Thái cổ... Khoảng năm 1865, Duy Minh Thị, tên thật là Trần Quang Quang, người huyện Duy Minh (nay là xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày

Nam) sao lục bản *Lục Vân Tiên* bằng chữ Nôm từ bản gốc khắc in trước đó ở Quảng Đông - Trung Quốc, đây là bản chữ Nôm cổ nhất dài 2.174 câu, Tôn Thọ Tường trông nom việc in, hiệu sách Quảng Thạnh Nam in lại ở Chợ Lớn, do Bảo Hoa Các tàng bản và Quảng Thạnh Nam phát thụ (hiện Bảo tàng Bến Tre đang cho thẩm định bản này). Năm 1864, Gabriel Aubaret cho xuất bản bản tiếng Pháp đầu tiên với nhan đề *Lục Vân Tiên, poème populaire annamite* (*Lục Vân Tiên, truyện thơ bình dân Việt Nam*). Năm 1867, bản *Lục Vân Tiên* bằng chữ quốc ngữ đầu tiên do Jannô phiên âm và xuất bản theo lệnh của Thống đốc Nam Kỳ (Nguyễn Đình Chiểu, tập 2, 1982). Năm 1883, Abel des Michels cho xuất bản truyện *Lục Vân Tiên* bằng song ngữ Pháp - Việt với tựa đề *Lục Vân Tiên ca điển, poème populaire annamite*. Năm 1889, Trương Vĩnh Ký cho in truyện *Lục Vân Tiên* bằng chữ quốc ngữ dài 2.076 câu, tại Sài Gòn, Nhà in Aug. Book (đây được xem là một trong những bản chữ quốc ngữ cổ nhất)... Đồng thời, tính đại chúng của truyện đã làm sản sinh ra các hình thức diễn xướng mới ở vùng đất phương Nam như “nói thơ Vân Tiên”, “kể Vân Tiên”, “hò Vân Tiên”. Truyện *Lục Vân Tiên* còn đi vào các loại hình văn học, thơ ca dân gian, ca cổ, cải lương, phim ảnh... như *Lục Vân Tiên* (tuồng), *Bài ca Lục Vân Tiên* (theo điệu cải lương), *Bùi Kiệm dặm*, *Thơ Bùi Kiệm*, *Về Bùi Kiệm*, *Nguyệt Nga gặp Bùi Kiệm* (ca vọng cổ), *Nguyệt*

Nga công Hồ (tuồng), *Lục Vân Tiên* (phim), *Tiên Nga* (nhạc kịch)... Bên cạnh đó, một số tác giả còn dựa vào truyện để sáng tác và xuất bản thêm các tập truyện *Hậu Vân Tiên diễn ca* (Trần Phong Sắc, 1925), *Hậu Vân Tiên* (Nguyễn Bá Thời, 1932), *Hậu Vân Tiên* (Hoành Sơn, 1933) (Nhiều tác giả, 2003: 348)... để viết tiếp câu chuyện với nhiều nội dung mới.

Đánh giá về tác phẩm *Lục Vân Tiên*, tại lễ viếng mộ Nguyễn Đình Chiểu ngày 17/7/1943, Thống đốc Nam Kỳ Hoeffel ca ngợi: "...quyển *Lục Vân Tiên* gồm cả *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, hay là một quyển 'phong hóa tập giả' rất linh hoạt vậy" (Nhiều tác giả, 2003: 621). Có ý kiến cho rằng, giá trị văn hóa của truyện *Lục Vân Tiên* khiến nó trường tồn với thời gian là ở chỗ nó góp phần hoàn thiện bản sắc văn hóa người Việt ở vùng đất Nam Bộ. Với những ảnh hưởng của tác phẩm trong đời sống văn hóa Nam Bộ, nhận định này hoàn toàn có cơ sở (xem thêm Đặng Văn Tuấn, 2022, tập 2: 313-328).

Dương Từ - Hà Mậu là tác phẩm ra đời tương đối sớm nhưng ít được phổ biến nhất của Nguyễn Đình Chiểu. Được xem là tiếng nói chống Pháp nên trong thời kỳ thuộc Pháp, tác phẩm bị cấm xuất bản, mãi đến năm 1964, Nhà xuất bản Tân Việt mới xuất bản tập truyện này do Phan Văn Hùm sao lục và hiệu đính. Nguyên tác của tác phẩm là bản chữ Nôm chép tay của ông Nhiều Cơ Lê Quang Thịnh do Nguyễn Đình Chiểu trực tiếp đọc, về sau được ông Nguyễn Văn Nghĩa

phiên âm ra chữ quốc ngữ (ngoài ra còn có bản Nôm của Quách Đăng Vân chép tay năm 1884 và một số bản khác) (Nguyễn Đình Chiểu, 1980: 255-259). Tập truyện thơ này dài 3.456 câu lục bát với 33 bài thơ, câu đối và văn tế. Thông qua truyện, Nguyễn Đình Chiểu thể hiện quan điểm chống tà giáo, nhất là tôn giáo có nguồn gốc từ nước ngoài và kịch liệt công kích những nhân sĩ ẩn mình tìm chốn yên thân ở những tôn giáo mà ông xem như một mối nguy cho đất nước. Trải qua hành trình dài đi tìm chân lý, tác giả để cho nhân vật tự mình thức tỉnh quay về nẻo chính trong sự hòa hợp với gia đình, làng nước.

Ngư Tiều y thuật vấn đáp (*Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca*) gồm 3.642 câu, hầu hết là thơ lục bát xen kẽ 21 bài thơ và một số thơ ca, phú... có nguồn gốc từ các sách thuốc đông y của Trung Quốc. Nội dung cốt truyện nói về y pháp và y đức của người thầy thuốc trong xã hội, tả lại việc Ngư, Tiều đi tìm thầy học nghề thuốc chữa bệnh cứu dân và học đạo cứu đời. Tác phẩm "nhằm chấn hưng y học cổ truyền, xây dựng một nghề y chân chính. Tác giả - tức Nguyễn Đình Chiểu đã lên án các việc làm bất chính hại đến tính mạng con người" (Nguyễn Chí Bền, 2020). Do nhiều nguyên nhân, trước năm 1950, tác phẩm chủ yếu phổ biến theo lối truyền khẩu từ các bản chép tay, bằng chữ Nôm (đã sưu tầm được 4 bản) (Nguyễn Đình Chiểu, 1982, tập 2: 102-104). Năm 1952, Nhà xuất bản

Tân Việt xuất bản tập truyện này bằng chữ quốc ngữ do Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích, Nhược Tống tặng bình bỗ chú. Đây có thể được xem là lần xuất bản đầu tiên của tập truyện. Đến năm 1957, Nhà xuất bản Văn hóa tiếp tục xuất bản *Ngư Tiểu y thuật vấn đáp* do Vũ Đình Liên và Lê Thuớc trích chú. Về sau, tập truyện này chủ yếu được in chung trong sách *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* hoặc *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*...

Nhìn chung, các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu dù ở thể loại nào cũng đều mang tính triết lý nhân sinh, nhân đạo với một tinh thần yêu nước sâu sắc. Chính trị, thời sự và giá trị văn hóa được chuyển tải trong thơ văn nên không thuần túy là những tác phẩm văn chương mà nó còn phản ánh cuộc đời, thái độ sống của ông và những nhà nho như ông trước cơn biến loạn, như nhận định của Giáo sư Trần Văn Giàu: "Lục Vân Tiên là Nguyễn Đình Chiểu trước năm 1859. Nhân Sư là Nguyễn Đình Chiểu sau năm 1867, Vân Tiên mù vì khóc mẹ, Nhân Sư mù vì quyết giữ tiết tháo với non sông, để cho lòng đạo tròn gương" (Nhiều tác giả, 1973: 179). Nguyễn Đình Chiểu "... trung hiếu vẹn toàn; ông là người đem tài văn chương lỗi lạc của mình để ca ngợi quần chúng ái quốc. Đồ Chiểu là nhà thơ có tài nhất và có tác dụng nhất của thời kỳ cận đại trong lịch sử Việt Nam" Trần Văn Giàu (2017: 254). Hoàng Như Mai khẳng định: "Tu tưởng Nguyễn Đình Chiểu là ngọn

đuốc soi sáng đường đi trong trí thức Việt Nam trong cả một giai đoạn lịch sử sôi động. Khi chế độ phong kiến suy tàn, kỷ cương xã hội rối loạn thì tấm gương cho mọi người noi theo là Lục Vân Tiên sẵn sàng cứu nạn phò nguy, trung nghĩa một cách sáng suốt. Khi đất nước lâm nạn thì mọi người phải nêu cao cái dũng khí của những "dân ấp, dân lân" Cần Giuộc "mến nghĩa làm quân chiêu mộ". Khi Tổ quốc đã bị quân thù thống trị thì cái khí tiết hiên ngang tuyệt vời của Kỳ Nhân Sư khích lệ những người yêu nước: 'Thà đui mà giữ đạo nhà - Còn hơn có mắt ông cha không thờ'. Ba dạng nhân cách, ba phương châm hành động ấy, đích thân Nguyễn Đình Chiểu đã thực hành, làm gương mẫu cho mọi người" (dẫn theo Châu Anh Phụng, 2004: 144-146, dẫn theo Báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 9/11/1997). Chính vì lẽ đó mà tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu trường tồn với thời gian, nhất là trong đời sống xã hội vùng đất Nam Bộ.

4. KẾT LUẬN

Nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu từ lúc sinh thời cho đến nay đã trở thành một trong những biểu tượng của tinh thần yêu nước, kiên cường vượt qua nghịch cảnh. Tuy không trực tiếp tham gia chống giặc nhưng cuộc đời, sự nghiệp, nhất là tác phẩm thơ văn của ông có tác dụng như những vũ khí tinh thần đánh thẳng vào tính phi nhân, phi nghĩa của quân xâm lược và tay sai, đồng thời hiệu triệu các tầng lớp nhân dân đứng lên

chống giặc. Ông là tấm gương tiêu biểu cho các thế hệ người dân Nam Bộ từ thế kỷ XIX đến nay về tinh thần yêu nước và đạo lý làm người. □

CHÚ THÍCH

(1) "Tị địa": Phong trào di cư của các nhân sĩ, trí thức và nhân dân rời khỏi nơi chôn nhau cắt rốn bị giặc chiếm đóng, đến định cư ở vùng đất tự do (thuộc quyền cai quản của triều đình), để tỏ lòng yêu nước và khí tiết của một dân tộc bất khuất.

(2) Triều Nguyễn có lệ, thí sinh đi thi phải thỏa mãn các điều kiện là lý lịch, tư cách đạo đức tốt và đã trúng cách kỳ thi khảo hạch. Theo đó, những người đang có tang phải cư tang hết thời gian quy định mới được đi thi. Vì phạm một trong những lệ này, thí sinh sẽ bị xóa tên. Ví dụ, khoa thi Hương năm 1864, ở Trường thi Nghệ An, thí sinh Mai Thế Quý đậu giải nguyên (xếp thứ nhất) nhưng triều đình phát hiện người này giấu tang đi thi, nên xóa tên không cho đỗ khoa này (theo Nguyễn Thế Long, 1995: 124-125).

(3) Theo bà Âu Dương Thị Yến, cháu gọi Nguyễn Đình Chiêm (1869-1935) - con trai thứ 7 của Nguyễn Đình Chiểu - là ông cố ngoại), di cốt bà Trương Thị Thiệt về sau được ông Nguyễn Đình Chiêm bốc về cải táng ở Ba Tri (trên mảnh đất của một người vừa là học trò vừa là con nuôi của Nguyễn Đình Chiểu, nay thuộc xã Mỹ Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre).

Nguyễn chi thế phổ ghi: 令配張氏實：生于庚[...]年，卒于戊申年拾壹月拾五口，墓墓嘉定省新德坊，坐[...]山[...]向。后改葬永隆省知郡保順總美和村 (Lệnh phối Trương Thị Thiệt: Sinh vu Canh [...] niên, tốt vu Mậu Thân niên thập nhất nguyệt thập ngũ nhật, mộ táng Gia Định tỉnh Tân Đức phường, tọa [...] sơn [...] hướng. Hậu cải táng Vĩnh Long tỉnh Ba Tri quận Bảo Thuận tổng Mỹ Hòa thôn - Lệnh phối Trương Thị Thiệt: Sinh năm Canh [...], mất ngày 15 tháng 11 năm Mậu Thân, mộ táng tại phường Tân Đức tỉnh Gia Định, về sau cải táng tại thôn Mỹ Hòa tổng Bảo Thuận quận Ba Tri tỉnh Vĩnh Long) (Nguyễn Đông Triều phiên âm, dịch nghĩa).

Năm 2008, di cốt bà Trương Thị Thiệt một lần nữa được các cháu dòng họ Nguyễn Đình cải táng về ấp Hữu Nhơn, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(4) Theo Ca Văn Thỉnh (1983: 71), Nguyễn Đình Chiểu từng làm cổ vấn cho Trương Định, Phan Liêm, Phan Tôn, Phan Ngọc Tông đánh Pháp.

(5) Bài văn tế được sáng tác năm 1874 và cuộc tế lễ tại chợ Ba Tri do Nguyễn Đình Chiểu chủ trương tổ chức năm 1884 có ảnh hưởng mạnh đến cuộc khởi nghĩa của Phan Văn Hớn ở Hóc Môn, của Nguyễn soái Hiền và Nguyễn soái Trần Công Chánh ở Long Hựu (Gò Công) năm 1885 (Nhiều tác giả, 1988: 117-119).

(6) Trong vòng 5 ngày, quân Pháp liên tục chiếm 3 tỉnh miền Tây mà không mất một viên đạn, gồm Vĩnh Long mất lần hai ngày 20/6/1867, Châu Đốc mất đêm 21/6/1867 và Hà Tiên mất ngày 24/6/1867.

(7) Michel Ponson: "Cuộc gặp gỡ giữa cụ Nguyễn Đình Chiểu và Misen Pongsông, chủ tỉnh Bến Tre" (Báo L' In dé Pendant de Saigon, 1883, *Nam Kỳ tuần báo* đăng lại ngày 26/6/1943).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bajot, Eugène. 1886. "Tựa" quyển *Histoire du grand letter, Luc Van Tien*, Ouvrage subventionne par le Conseil colonial de la seance du 28/12/1885, Sài Gòn: Rey et Curiot, In-8, p.16.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Tri. 2022. *Ba Tri - Đất và người*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp.

3. Châu Anh Phụng. 2004. *Sưu tập về Nguyễn Đình Chiểu*. Long An: Sở Văn hóa Thông tin và Huyện ủy Cần Giuộc xuất bản.
4. Đặng Văn Tuấn. 2022. "Truyện *Lục Vân Tiên* góp phần hoàn thiện bản sắc văn hóa người Việt ở Nam Bộ và những vấn đề đặt ra gắn với việc vinh danh nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở tầm thế giới", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. *Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong thời đại ngày nay - Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc tế*. Tập 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
5. Đỗ Phong Thuận. 1956. *Những bí quyết thành công cho các nhà y đạo*. Sài Gòn: Nxb. Trí Đăng.
6. Michel Ponson. 1883. "Cuộc gặp gỡ giữa cụ Nguyễn Đình Chiểu và Misen Pôngsông, chủ tỉnh Bến Tre". Báo *L'In dé Pendant de Saigon*. Nam Kỳ tuần báo đăng lại ngày 26/6/1943.
7. Nguyễn Chí Bền. 2020. *Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) - Nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
8. Nguyễn Đình Chiểu (soạn), Nguyễn Đình Huy hiệu chỉnh (1853). 阮枝世譜 (*Nguyễn chí thế phổ*).
9. Nguyễn Đình Chiểu. 1982. *Dương Từ - Hà Mậu*. Long An: Ty Văn hóa và Thông tin Long An xuất bản.
10. Nguyễn Đình Chiểu. 1982. *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Long An: Ty Văn hóa và Thông tin Long An xuất bản.
11. Nguyễn Đình Chiểu. 1980. *Toàn tập* – tập 1; 1982 - tập 2. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
12. Nguyễn Duy Oanh. 2013. *Quân dân Nam Kỳ kháng Pháp trên mặt trận quân sự và văn chương (1859 - 1885)*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
13. Nguyễn Duy Oanh. 2017. *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam (từ năm 1757 đến 1945)*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
14. Nguyễn Thế Long. 1995. *Nho học ở Việt Nam - Giáo dục và thi cử*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
15. Nhiều tác giả. 1973. *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
16. Nhiều tác giả. 1988. *Ba Tri và thơ văn*. Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri (sách lưu hành nội bộ).
17. Nhiều tác giả. 2003. *Nguyễn Đình Chiểu - Về tác gia và tác phẩm*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
18. Phan Văn Hùm. 1957. *Nỗi lòng Đồ Chiểu*. Sài Gòn: Tân Việt xuất bản.
19. Thạch Phương - Đoàn Tử (chủ biên). 2001. *Địa chí Bến Tre*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
20. Trần Phong Sắc. 2015. *Hậu Vân Tiên diễn ca*. Sài Gòn: Imp, Jⁿ. Nguyễn Văn Viết.
21. Trần Văn Giàu. 2017. *Chống xâm lăng - Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1898*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
22. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. 2022. *Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong thời đại ngày nay - Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc tế*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.